

Số: 08/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 01 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Oanh.

**Thư ký phiên họp:** Ông Lò Văn Sơm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2026 gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

**- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Ông Lương Văn H, sinh năm 1982, trú tại: Bản N, xã N, tỉnh Lai Châu (vắng mặt - có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Lương Thị S, sinh năm 2001 (vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

2. Anh Phàn Văn L, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Đều trú tại: Bản Ui Đạo, xã Nậm Sỏ, tỉnh Lai Châu

3. Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu.

Đại chỉ: Bản U, xã N, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hữu M - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N (vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu ông Lương Văn H đều trình bày:

Ông Lương Văn H có con gái là Lương Thị S, sinh ngày 05/05/2001. Ngày 10/11/2017, chị Lương Thị S và anh Phàn Văn L, sinh ngày 21/01/1997 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (cũ) trên cơ sở tự nguyện, chị S và anh L đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào sổ đăng

ký số 56/2017. Như vậy tại thời điểm kết hôn chị Lương Thị S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống chị S và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, vì vậy ông H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lương Thị S và anh Phan Văn L.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị S và anh Phan Văn L đều trình bày: Anh L và chị S đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (cũ) trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng ngày tháng năm sinh của chị S tại hộ khẩu gia đình thể hiện chị S sinh ngày 05/5/1997, vì vậy chị S đã xuất trình sổ hộ khẩu và lấy ngày tháng năm sinh theo sổ hộ khẩu để đăng ký kết hôn. Sau đó Ủy ban nhân dân xã N đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh, chị ghi là Phan Văn L, sinh ngày 21/11/1997 và Lương Thị S, sinh ngày 05/5/1997.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh L, chị S chung sống với nhau không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chia sẻ được với nhau, chị S và anh L đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị S và anh L đều nhất trí với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông H và đề nghị Tòa án hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa chị S và anh L.

Quá trình chung sống chị S và anh L có 02 con chung là cháu Phan Minh D, sinh ngày 18/01/2017 và cháu Phan Thùy D1, sinh ngày 10/10/2019. Từ khi chị S, anh L ly thân đến nay thì cháu D ở với anh L còn cháu D1 ở với chị S. Chị S và anh L thống nhất chị S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, các bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị S và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu, xác định: Chị Lương Thị S, sinh ngày 05/5/1997 và chị Lương Thị S, sinh ngày 05/5/2001 là cùng một người, ngày tháng năm sinh chính xác của chị Lương Thị S là ngày 05/5/2001 theo Giấy khai sinh số 43/2010 đăng ký ngày 03/02/2010.

\* Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Phan Minh D, cháu D trình bày có nguyện vọng được ở với anh Phan Văn L.

\* Quá trình giải quyết việc dân sự, Ủy ban nhân dân xã N trình bày ý kiến: Quá trình thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N thì chị Lương Thị S cung cấp sổ hộ khẩu còn anh Phan Văn L đã cung cấp giấy chứng minh nhân dân thể hiện ngày tháng năm sinh của chị Lương Thị S và anh Phan Văn L. Sau khi chị S và anh L cung cấp giấy tờ, nhận thấy các thông tin về ngày tháng năm sinh do chị S và anh L cung cấp đủ điều kiện để đăng ký kết hôn và việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên UBND xã N đã tiến hành đăng ký kết hôn cho chị S và anh

L theo quy định của pháp luật. Nay ông Lương Văn H là bố đẻ của chị Lương Thị S yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lương Thị S và anh Phan Văn L với lý do là tại thời điểm kết hôn thì Lương Thị S chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kiểm tra lại thông tin khai sinh của chị Lương Thị S, UBND xã N nhận thấy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Lương Thị S không đủ tuổi đăng ký kết hôn, do vậy việc kết hôn giữa chị Lương Thị S và anh Phan Văn L là kết hôn trái pháp luật, yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Lương Văn H là có căn cứ. UBND xã N nhất trí với yêu cầu của ông Lương Văn H về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lương Thị S và anh Phan Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 369, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự. (Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án); điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chủ tọa phiên họp: Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ông Lương Văn H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phan Văn L và chị Lương Thị S theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký số 56/2017 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (cũ), nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu cấp ngày 10/11/2017. Về con chung: Anh Phan Văn L và chị Lương Thị S có 02 con chung là cháu Phan Minh D, sinh ngày 18/01/2017 và cháu Phan Thùy D1, sinh ngày 10/10/2019. Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật: Giao cho anh Phan Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Minh D, sinh ngày 18/01/2017 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cho chị Lương Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thùy D1, sinh ngày 10/10/2019 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị S và anh Phan Văn L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, công nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Lương Thị S không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Đề nghị Tòa án tuyên quyền kháng cáo và lệ phí cho các đương sự theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người liên quan và đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là xã N, tỉnh Lai Châu) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Tại phiên họp, người yêu cầu là ông Lường Văn H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã N, chi Lường Thị S, anh Phàn Văn L đều xin vắng mặt tại phiên họp. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Lường Thị S, sinh ngày 05/5/2001 và anh Phàn Văn L, sinh ngày 21/01/1997 đăng ký kết hôn ngày 10/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm kết hôn chị Lường Thị S mới được 16 tuổi 06 tháng 05 ngày, như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và là kết hôn trái pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, anh L, chị S đã đủ tuổi kết hôn, quá trình chung sống anh L, chị S có nhiều mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, Chị S, anh L cũng nhất trí đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị S và anh L. Do vậy, căn cứ Điều 8, Điều 10 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm b, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp cần chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Lường Văn H.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật.

Do việc kết hôn giữa anh Phàn Văn L và chị Lường Thị S vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Phàn Văn L và chị Lường Thị S phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh L, chị S có 02 con chung là cháu Phàn Minh D, sinh ngày 18/01/2017 và cháu Phàn Thùy D1, sinh ngày 10/10/2019. Xét thấy: Từ lúc anh L chị S sống ly thân (năm 2022 đến nay) thì cháu D ở với anh L, cháu D1 ở với chị S, các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Tính đến thời điểm giải quyết vụ việc cháu D đã trên 7 tuổi và cháu D có nguyện vọng ở với bố, quá trình giải quyết vụ việc anh L và chị S cũng đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất

cũng như tinh thần của các cháu, cần giao cháu Phàn Minh D cho anh Phàn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, giao cháu Phàn Thùy D1 cho chị Lương Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị S và anh Phàn Văn L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Lương Thị S và anh Phàn Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa Anh Phàn Văn L và chị Lương Thị S theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Lương Văn H không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 361; Điều 362; Điều 366; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ông Lương Văn H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phàn Văn L và chị Lương Thị S theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký số 56/2017 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lai Châu) cấp ngày 10/11/2017.

2. Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật:

- Anh Phàn Văn L và chị Lương Thị S phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Phan Văn L và chị Lương Thị S có 02 con chung là cháu Phan Minh D, sinh ngày 18/01/2017 và cháu Phan Thùy D1, sinh ngày 10/10/2019.

Sau khi hủy kết hôn trái pháp luật: Giao cho anh Phan Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Minh D, sinh ngày 18/01/2017 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cho chị Lương Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thùy D1, sinh ngày 10/10/2019 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị S và anh Phan Văn L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Lương Thị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Kiến nghị UBND xã N, tỉnh Lai Châu nói riêng và cấp có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký kết hôn nói chung cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý, thực hiện việc đăng ký kết hôn thuộc thẩm quyền, cần rà soát kỹ các trường hợp đăng ký kết hôn đảm bảo đầy đủ các điều kiện kết hôn, tiến hành đúng trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Đồng thời thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phan Văn L và chị Lương Thị S theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lương Văn H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 2 – Lai Châu;
- Cơ quan THADS tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Nậm Sỏ;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVDS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Oanh**